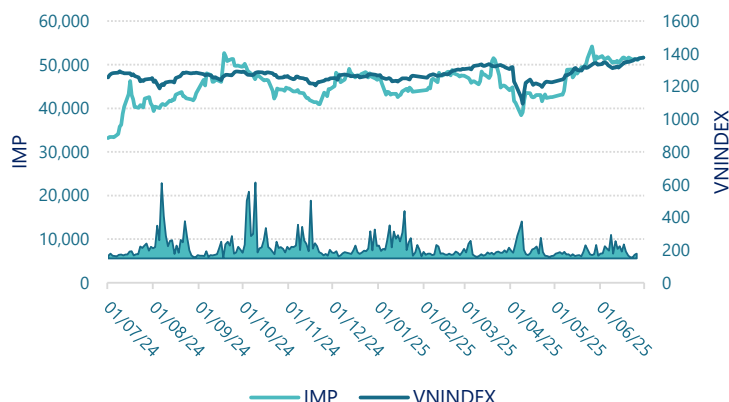


CTCP Dược phẩm Imexpharm (HSX: IMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	51,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	54,176
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,172
SL cổ phiếu LH	154,008,962
KLGD BQ 20 phiên (CP)	97,410
% sở hữu nước ngoài	51.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,947
P/E	22.2
EPS	2,323

DT thuần

Q2/25

633

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.0 | 6.5%

YoY: ▲ 116 | 22.4%

LN sau thuế

Q2/25

90.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.8 | 21.2%

YoY: ▲ 24.4 | 37.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

19.1%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần

6T 2025

1,227

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 219 | 21.7%

LN sau thuế

6T 2025

165

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0 | 28.9%

ROE

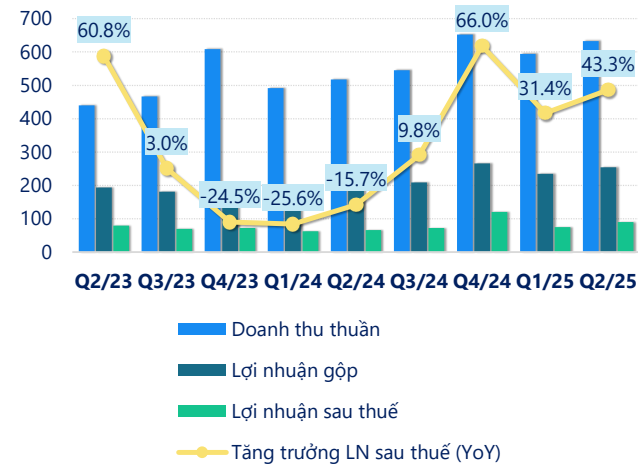
Q2/25

17.0%

+/- YoY: ▲ 3.6%

tỷ VNĐ

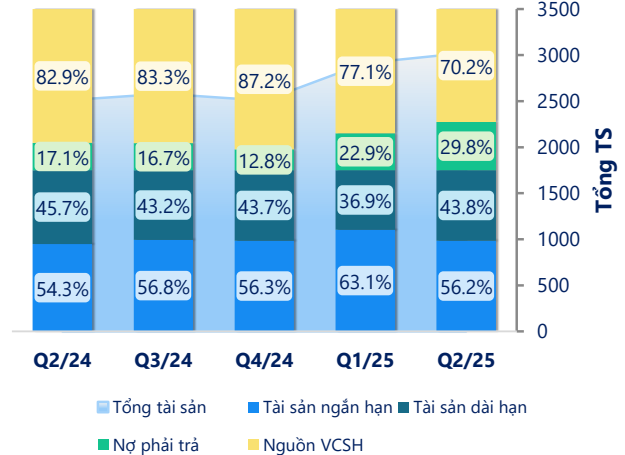
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

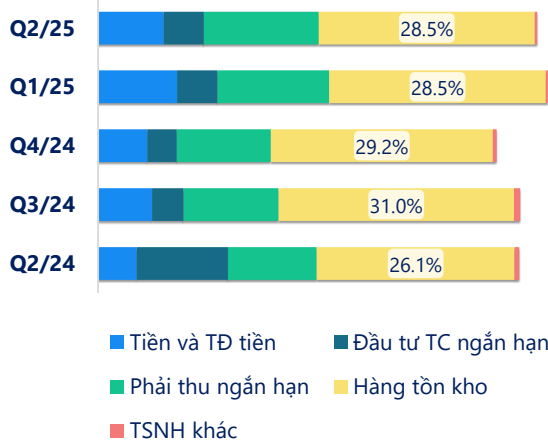
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



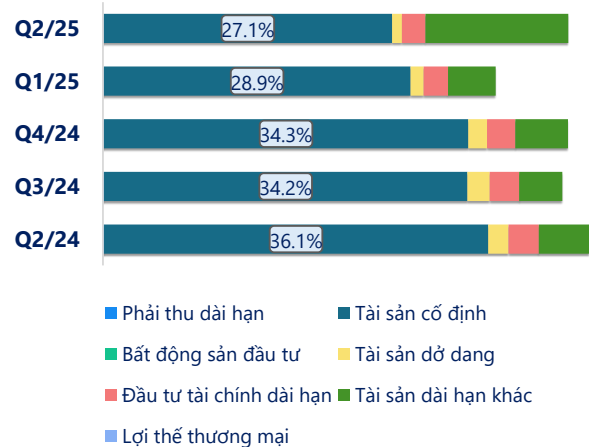
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

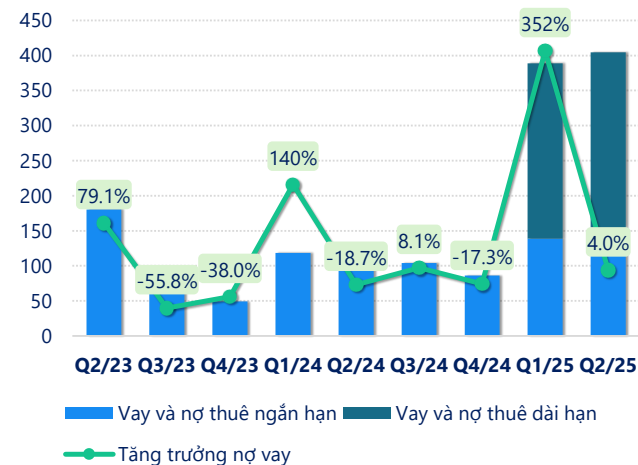
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

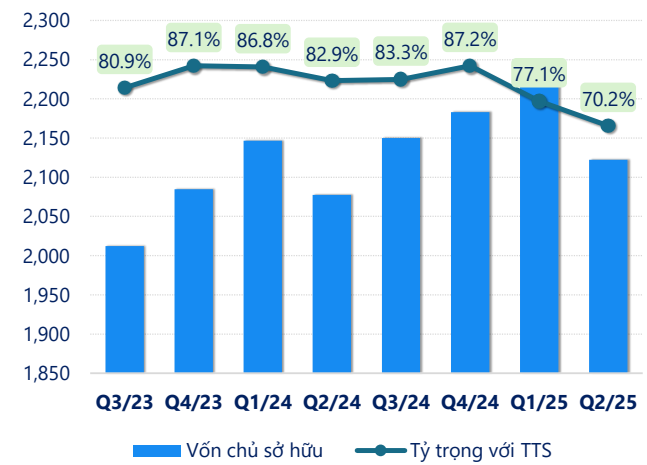
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

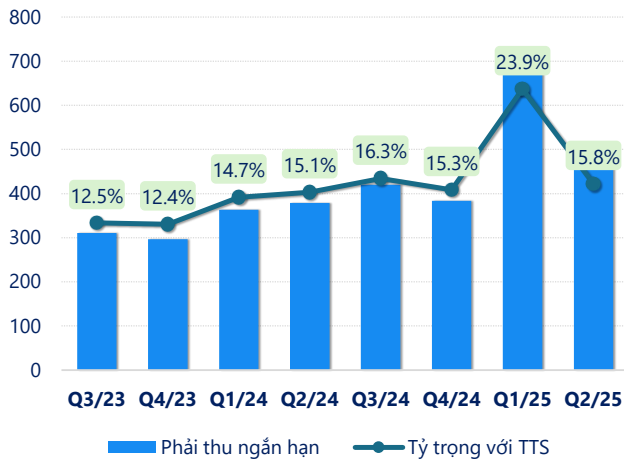
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



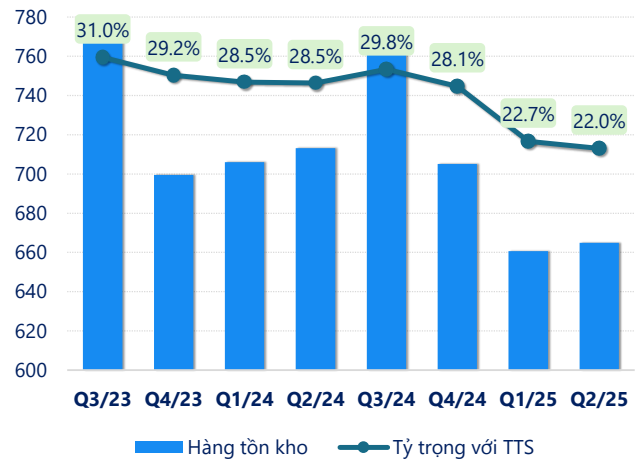
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


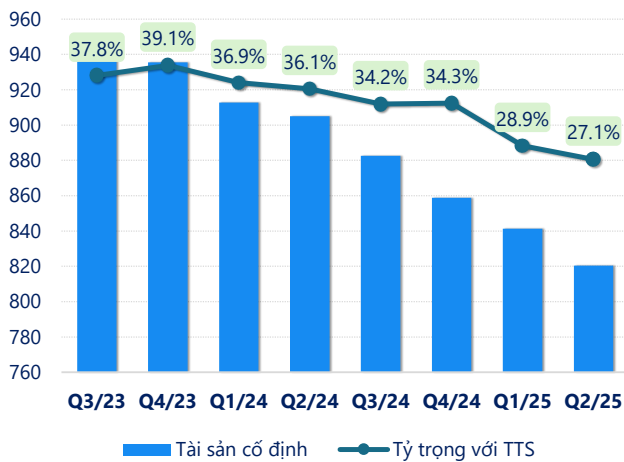
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


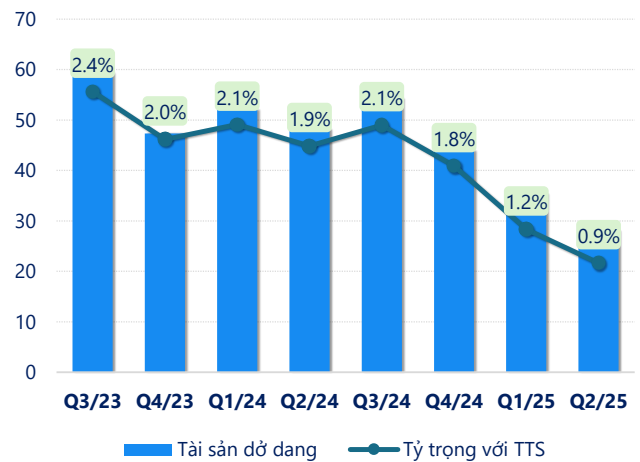
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

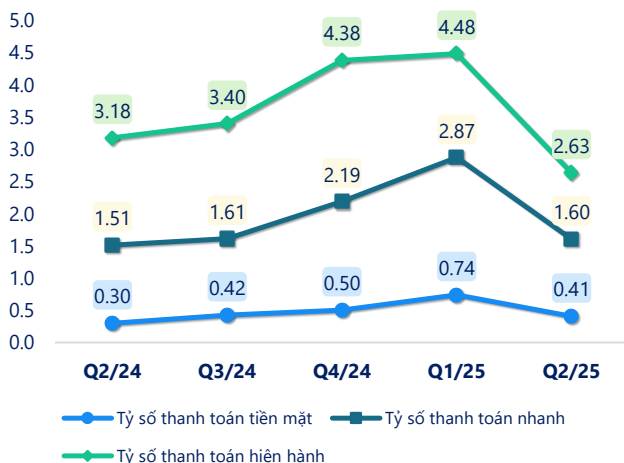
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

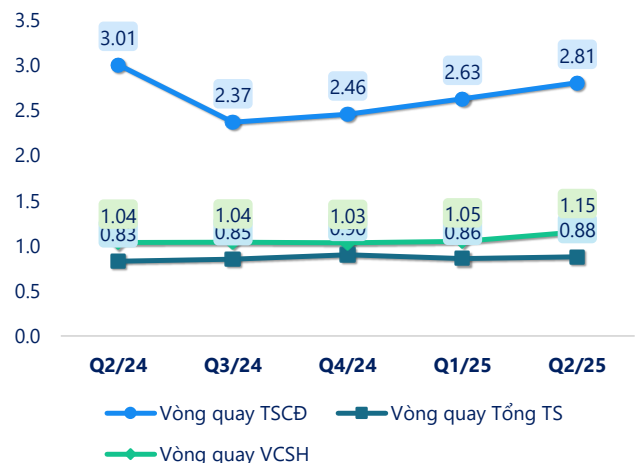
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,505	2,582	2,505	2,914	3,025
Tài sản ngắn hạn	1,359	1,467	1,410	1,838	1,701
Tiền và tương đương tiền	128	183	162	303	262
Đầu tư tài chính ngắn hạn	132	87.0	142	152	282
Phải thu ngắn hạn	379	420	384	696	479
Hàng tồn kho	713	770	705	661	665
Tài sản ngắn hạn khác	7.66	6.15	16.7	25.7	13.2
Tài sản dài hạn	1,146	1,115	1,095	1,077	1,324
Phải thu dài hạn	2.26	2.26	1.84	1.84	1.84
Tài sản cố định	905	883	859	841	820
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	48.2	54.2	43.9	35.4	28.1
Đầu tư tài chính dài hạn	71.3	71.3	67.0	67.0	67.0
Tài sản dài hạn khác	119	105	124	131	407
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	427	432	322	667	903
Nợ ngắn hạn	427	432	322	410	646
Vay và nợ thuê ngắn hạn	96.4	104	86.1	139	155
Phải trả người bán ngắn hạn	71.8	111	77.0	82.0	170
Nợ dài hạn	0	0	0	257	257
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	250	250
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,078	2,150	2,183	2,248	2,122
Vốn chủ sở hữu	2,078	2,150	2,183	2,248	2,122
Vốn điều lệ	700	1,540	1,540	1,540	1,540
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)